TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 235/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/12/1999, căn cước công dân do Bộ Công an cấp ngày 21/11/2025;

Nơi đăng ký thường trú: Số C Đường số B, Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 11/12/2005, căn cước công dân do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022;

Nơi đăng ký thường trú: Số D đường B, Tổ H, Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2024 ngày 10/01/2024. Mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được nên ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn; xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H xác định có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 05/9/2023. Ông N và bà H thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà H xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông N và bà H xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 30/01/2026, Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2024 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 10/01/2024 cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H xác định có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 05/9/2023. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông N và bà H xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông N và bà H xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh H mỗi bên phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông N và bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000824 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ chí Minh. Ông N và bà H đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc